

**ĐẠI HỌC HUẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT**



TRẦN CÔNG HIẾU

**PHÁP LUẬT VỀ DỊCH VỤ XỬ LÝ CHẤT THẢI
Ở CÁC KHU CÔNG NGHIỆP, QUA THỰC TIỄN ÁP DỤNG
TẠI TỈNH QUẢNG BÌNH**

Chuyên ngành: Luật Kinh tế

Mã số: 8380107

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

THỪA THIÊN HUẾ, năm 2022

Công trình được hoàn thành tại:
Trường Đại học Luật, Đại học Huế

Người hướng dẫn khoa học: **TS. Trần Công Dũng**

Phản biện 1:

Phản biện 2:

Luận văn sẽ được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận văn
thạc sĩ họp tại: Trường Đại học Luật

Vào lúc.....giờ.....ngày.....tháng năm.....

Trường Đại học Luật, Đại học Huế

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
1. Tính cấp thiết của đề tài	1
2. Tình hình nghiên cứu đề tài.....	1
3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu.....	2
4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu.....	2
5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu.....	2
6. Những đóng góp mới của luận văn	3
7. Cấu trúc của luận văn	3
CHƯƠNG 1. MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN PHÁP LUẬT VỀ DỊCH VỤ XỬ LÝ CHẤT THẢI Ở CÁC KHU CÔNG NGHIỆP	4
1.1. Khái quát về dịch vụ xử lý chất thải ở các KCN.....	4
1.1.1. Khái niệm khu công nghiệp	4
1.1.2. Khái niệm về chất thải công nghiệp.....	4
1.1.3. Khái niệm về dịch vụ xử lý chất thải ở các KCN	4
1.1.4. Vai trò của dịch vụ xử lý chất thải ở các KCN	5
1.2. Khái quát pháp luật về dịch vụ xử lý chất thải ở KCN	5
1.2.1. Khái niệm pháp luật về dịch vụ xử lý chất thải ở KCN.....	5
1.2.2. Nội dung pháp luật về dịch vụ xử lý chất thải ở các khu công nghiệp	5
1.3. Các yếu tố ảnh hưởng đến việc thực hiện pháp luật về dịch vụ xử lý chất thải ở các KCN	6
CHƯƠNG 2. THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VỀ DỊCH VỤ XỬ LÝ CHẤT THẢI Ở CÁC KHU CÔNG NGHIỆP VÀ THỰC TIỄN ÁP DỤNG TẠI TỈNH QUẢNG BÌNH.....	7
2.1. Thực trạng pháp luật về dịch vụ xử lý chất thải ở các KCN	7
2.1.1. Quy định pháp luật về dịch vụ xử lý chất thải ở các KCN	7
2.1.2. Đánh giá pháp luật hiện hành về dịch vụ xử lý chất thải ở các KCN.....	8
2.2. Thực tiễn áp dụng pháp luật về dịch vụ xử lý chất thải ở các KCN tại tỉnh Quảng Bình.	9
2.2.1. Vài nét về các KCN trên địa bàn tỉnh Quảng Bình.....	9
2.2.2. Tình hình phát sinh, phân loại, thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải tại các KCN trên địa bàn tỉnh Quảng Bình	10
2.2.3. Tình hình thực hiện áp dụng pháp luật về dịch vụ xử lý chất thải ở các KCN tại tỉnh Quảng Bình.....	10
2.2.4. Những vướng mắc trong thực hiện áp dụng pháp luật về dịch vụ xử lý chất thải ở các KCN tại tỉnh Quảng Bình.	11
2.2.5. Nguyên nhân của những vướng mắc thực	11
CHƯƠNG 3. ĐỊNH HƯỚNG, GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VÀ NÂNG CAO HIỆU QUẢ THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ DỊCH VỤ XỬ LÝ CHẤT THẢI Ở CÁC KHU CÔNG NGHIỆP.....	13
3.1. Định hướng hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về dịch vụ xử lý chất thải ở các KCN	13

3.2. Giải pháp hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về dịch vụ xử lý chất thải ở các KCN.....	14
3.2.1. Nhóm giải pháp về tổ chức thực hiện.....	14
Đào tạo, bổ sung nguồn nhân lực đủ số lượng, đảm bảo chất lượng, có tinh thần trách nhiệm cao.....	14
3.2.2. Nhóm giải pháp về tăng cường nguồn lực tài chính	14
3.2.3. Nhóm giải pháp về nghiên cứu, phát triển, chuyển giao công nghệ	14
3.2.4. Nhóm giải pháp về hợp tác quốc tế.....	15
3.2.5. Nhóm giải pháp hoạt động truyền thông.....	15
3.3. Giải pháp nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về dịch vụ xử lý chất thải ở các KCN cho tỉnh Quảng Bình.....	16
KẾT LUẬN	19

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Chất thải công nghiệp là chất thải từ hoạt động của các nhà máy, xí nghiệp ra ngoài môi trường. Cùng với mức sống của con người hiện đại và công cuộc CNH – HĐH ngày càng phát triển mạnh thì các nhà máy, KCN ngày càng gia tăng không ngừng tại Việt Nam đã khiến cho lượng chất thải ở các KCN thải ra môi trường ngày càng nhiều với các thành phần phức tạp và đa dạng. Nếu lượng chất thải này không được thu gom, xử lý, tồn đọng ở môi trường lâu ngày sẽ ảnh hưởng đến sức khỏe con người và môi trường xung quanh. Để bảo vệ sức khỏe cũng như làm cho môi trường sống không bị ô nhiễm bởi chất thải hãy nêu cao ý thức BVMT đó là việc xử lý chất thải ở KCN trước khi xả ra môi trường.

Dịch vụ xử lý chất thải ở các KCN là loại hình dịch vụ mới và phải đứng ứng nhiều điều kiện theo quy định pháp luật, Nhà nước. Với các trang thiết bị hiện đại, công nghệ xử lý tiên tiến được vận hành bởi đội ngũ nhân sự có trình độ chuyên môn, năng lực cao. Nhằm giúp các DN loại bỏ tính nguy hiểm của chất thải trong quá trình sản xuất, BVMT và môi trường sống xung quanh.

Trên địa bàn tỉnh Quảng Bình hiện có 6 KCN tập trung đang hoạt động. Thống kê từ Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Bình cho thấy bình quân tổng lượng CTCN phát sinh tại các KCN ước tính khoảng 1.785,05 tấn/năm. Vì thế, việc hoàn thiện pháp luật về quản lý, nâng cao dịch vụ xử lý chất thải ở các khu KCN là một nhu cầu cấp thiết. Chi phí thu gom và xử lý chất thải ở các KCN cũng tăng theo, đặc biệt chi phí xây dựng cơ sở xử lý chất thải, dịch vụ xử lý lượng nước bẩn, mùi hôi, khí thải vẫn còn gặp nhiều khó khăn. Đây cũng là vấn đề mà các cấp lãnh đạo tỉnh Quảng Bình luôn đặc biệt quan tâm. Chính vì các nguyên nhân trên nên tôi quyết định lựa chọn nghiên cứu đề tài ***“Pháp luật về dịch vụ xử lý chất thải ở các khu công nghiệp, qua thực tiễn áp dụng tại tỉnh Quảng Bình”***.

2. Tình hình nghiên cứu đề tài

Vấn đề pháp luật về dịch vụ xử lý chất thải nói chung và xử lý chất thải ở các KCN nói riêng luôn là đề tài được nhiều nhà khoa học trên thế giới và Việt Nam nghiên cứu

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

3.1. Mục đích nghiên cứu

Làm sáng tỏ những vấn đề lý luận, thực trạng và thực tiễn thực hiện pháp luật về dịch vụ xử lý chất thải ở các KCN, qua thực tiễn áp dụng tại tỉnh Quảng Bình. Từ đó đề xuất các biện pháp hoàn thiện pháp luật về dịch vụ xử lý chất thải ở các KCN, qua thực tiễn áp dụng tại tỉnh Quảng Bình.

3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu đề tài

- Nghiên cứu một số vấn đề lý luận về xử lý CTCN, cơ sở lý luận về thực tiễn thực hiện pháp luật về dịch vụ xử lý chất thải ở các KCN.

- Nghiên cứu, phân tích và đánh giá thực trạng thực hiện pháp luật về dịch vụ xử lý chất thải ở các KCN, qua thực tiễn áp dụng tại tỉnh Quảng Bình.

- Đánh giá thực trạng các yếu tố ảnh hưởng đến thực hiện pháp luật về dịch vụ xử lý chất thải ở các KCN, qua thực tiễn áp dụng tại tỉnh Quảng Bình để tìm ra những khó khăn, vướng mắc để làm rõ nguyên nhân.

- Đề xuất một số định hướng giải pháp thực hiện pháp luật về dịch vụ xử lý chất thải ở các KCN, qua thực tiễn áp dụng tại tỉnh Quảng Bình.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

4.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của luận văn là pháp luật về dịch vụ xử lý chất thải ở các KCN và thực tiễn áp dụng dịch vụ xử lý chất thải công nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Bình.

4.2. Phạm vi nghiên cứu

Không gian: các vấn đề pháp lý liên quan đến dịch vụ xử lý chất thải công nghiệp.

Địa bàn nghiên cứu: Nghiên cứu thực tiễn áp dụng pháp luật về dịch vụ xử lý chất thải công nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Bình.

Thời gian: Số liệu nghiên cứu từ năm 2018 – 2021.

5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

5.1. Phương pháp luận

5.2. Phương pháp nghiên cứu

- Phương pháp phân tích.
- Phương pháp thống kê
- Phương pháp chứng minh

- Phương pháp tổng hợp, quy nạp

6. Những đóng góp mới của luận văn

Luận văn góp phần nghiên cứu về hệ thống hóa một số sơ sở lý luận và nghiên cứu thực tiễn, rút ra bài học kinh nghiệm từ thực tiễn thực hiện pháp luật về dịch vụ xử lý chất thải ở các KCN trên địa bàn tỉnh Quảng Bình.

Luận văn là công trình khoa học có ý nghĩa nhất định trong việc làm rõ các vấn đề lý luận, thực tiễn áp dụng pháp luật về dịch vụ xử lý chất thải ở các KCN và các giải pháp, phương hướng trong thời gian tới. Một số đề xuất, kiến nghị của luận văn có giá trị tham khảo đối với các cơ quan xây dựng và tổ chức thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường, pháp luật về xử lý chất thải ở các KCN hiện nay.

7. Cấu trúc của luận văn

Kết cấu của luận văn gồm 3 Chương như sau:

Chương 1: Một số vấn đề lý luận pháp luật về dịch vụ xử lý chất thải ở các khu công nghiệp.

Chương 2: Thực trạng pháp luật về dịch vụ xử lý chất thải ở các khu công nghiệp và thực tiễn áp dụng tại tỉnh Quảng Bình.

Chương 3: Định hướng, giải pháp hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về dịch vụ xử lý chất thải ở các khu công nghiệp

CHƯƠNG 1

MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN PHÁP LUẬT VỀ DỊCH VỤ XỬ LÝ CHẤT THẢI Ở CÁC KHU CÔNG NGHIỆP

1.1. Khái quát về dịch vụ xử lý chất thải ở các KCN

1.1.1. Khái niệm khu công nghiệp

“Khu công nghiệp là một khu vực địa lý có ranh giới cụ thể, mà ở đó các doanh nghiệp được tập trung lại theo một quy hoạch hoàn chỉnh để chuyên sản xuất hàng công nghiệp và dịch vụ sản xuất công nghiệp”. KCN là đối tượng đặc thù của quản lý nhà nước về kinh tế trong các giai đoạn phát triển với các đặc điểm về mục tiêu thành lập, giới hạn hoạt động tập trung vào công nghiệp, ranh giới địa lý và thẩm quyền ra quyết định thành lập.

1.1.2. Khái niệm về chất thải công nghiệp

CTCN là chất thải được tạo ra từ hoạt động công nghiệp, bao gồm bất kỳ vật liệu nào trở nên vô dụng trong quá trình sản xuất của các cơ sở sản xuất, xí nghiệp, nhà máy.

Theo tính chất, các loại CTCN được phân loại thành 2 loại: CTCN không nguy hại và CTCN nguy

CTCN là nguồn tạp chất ảnh hưởng xấu đến môi trường và đời sống, sức khỏe con người và gây ra một số tác động như: Ô nhiễm môi trường nước, ô nhiễm môi trường đất, ô nhiễm không khí.

1.1.3. Khái niệm về dịch vụ xử lý chất thải ở các KCN

Dịch vụ xử lý chất thải ở các KCN là hoạt động xử lý chất thải nhằm đáp ứng nhu cầu xử lý CTCN của các nhà máy sản xuất ở các KCN nhằm bảo đảm vấn đề BVMT.

Tùy vào tính chất của từng loại CTCN sẽ có những biện pháp thu gom, xử lý chất thải khác nhau. Thông thường, quy trình xử lý chất thải tại các KCN bao gồm các bước cơ bản sau:

Bước 1: Quản lý, xử lý nhanh các chất thải bằng cách phân loại tại nguồn sản sinh.

Bước 2: Thu gom các CTCN đã được phân loại

Bước 3: Vận chuyển chất thải công nghiệp đến bãi tập trung.

Bước 4: Tiến hành xử lý CTCN bằng phương pháp phù hợp dựa vào các tính chất, mức độ độc hại của các loại chất thải.

1.1.4. Vai trò của dịch vụ xử lý chất thải ở các KCN

Xử lý chất thải là phương thức để khắc phục ô nhiễm, suy thoái, phục hồi và cải thiện môi trường thông qua các quy định về trách nhiệm của các chủ thể trong công tác BVMT:

Xử lý chất thải ở các KCN không chỉ để BVMT tại các KCN mà còn là phương thức pháp lý hữu hiệu trong việc bảo vệ cảnh quan môi trường, bảo vệ các nguồn sinh thái khác.

Tổ chức thực hiện xử lý chất thải góp phần phát triển bền vững giữa kinh tế, xã hội, ổn định môi trường sinh thái và bảo đảm cho sự liên kết chặt chẽ giữa nền kinh tế mới CNH-HĐH. Vai trò quan trọng của dịch vụ xử lý chất thải ở các KCN nhằm mục đích là bảo vệ môi trường và sức khỏe cộng đồng thông.

Cần nâng cao ý thức, trách nhiệm của các cơ quan quản lý về BVMT, quyền, nghĩa vụ của các tổ chức, DN, cá nhân tại các KCN liên quan đến chất thải.

1.2. Khái quát pháp luật về dịch vụ xử lý chất thải ở KCN

1.2.1. Khái niệm pháp luật về dịch vụ xử lý chất thải ở KCN

Pháp luật về dịch vụ xử lý chất thải ở các KCN là những quy phạm được phân loại trong lĩnh vực bảo vệ môi trường, là tổng thể những quy phạm pháp luật do Nhà nước ban hành, thừa nhận nhằm điều chỉnh nội dung và trình tự trong quy trình của dịch vụ xử lý chất thải giới hạn điều chỉnh là phạm vi giới hạn các KCN trên lãnh thổ Việt Nam.

1.2.2. Nội dung pháp luật về dịch vụ xử lý chất thải ở các khu công nghiệp

- Các quy định về quản lý đối với chủ nguồn phát sinh chất thải ở các KCN
- Các quy định đối với tổ chức, cá nhân thu gom, vận chuyển chất thải ở các KCN
- Các quy định về xử lý chất thải ở khu công nghiệp
- Các quy định về nội dung xử lý chất thải ở KCN trong quy hoạch BVMT
- Các quy định về kiểm tra giám sát việc thực hiện pháp luật và xử lý vi phạm quy định về xử lý chất thải.

1.3. Các yếu tố ảnh hưởng đến việc thực hiện pháp luật về dịch vụ xử lý chất thải ở các KCN

- Yếu tố kinh tế
- Yếu tố pháp luật
- Yếu tố thực hiện.

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VỀ DỊCH VỤ XỬ LÝ CHẤT THẢI Ở CÁC KHU CÔNG NGHIỆP VÀ THỰC TIỄN ÁP DỤNG TẠI TỈNH QUẢNG BÌNH

2.1. Thực trạng pháp luật về dịch vụ xử lý chất thải ở các KCN

2.1.1. Quy định pháp luật về dịch vụ xử lý chất thải ở các KCN

Hệ thống pháp luật về BVMT đã có những bước phát triển mới, được thể hiện trước tiên bằng việc Quốc hội khóa XIV, đã thông qua Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, có hiệu lực thi hành từ ngày 17/11/2020. Với mục tiêu phát triển môi trường bền vững, Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 đã đề cập đến các vấn đề nóng đang đặt ra trong công tác BVMT hiện nay như: quy định nội dung QLNN về BVMT; cụ thể hóa trách nhiệm và quyền của các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp và cộng đồng dân cư trong BVMT.

Quy định về vấn đề quản lý, xử lý chất thải trong KCN, Quốc hội và Chính phủ đã xây dựng một khung pháp lý cơ bản với Luật Bảo vệ môi trường năm 2014. Nội dung pháp luật về quản lý chất thải bao gồm các quy định cụ thể từ việc thu gom, lưu giữ, vận chuyển đến việc xử lý và tiêu hủy chất thải.

Quy định về chủ cơ sở sản xuất, KD, dịch vụ chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện việc thu gom, xử lý chất thải phải bảo đảm quy chuẩn kỹ thuật môi trường; thu gom, phân loại, lưu giữ, xử lý, thải bỏ chất thải theo quy định; bảo đảm không để rò rỉ, phát tán khí độc hại ra môi trường.

Quy định hướng dẫn thi hành các nội dung do các bộ cũng đã ban hành như: Thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, xác lập kế hoạch BVMT, đề án BVMT, quản lý CTNH, quỹ phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản, nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất, BVMT khu kinh tế, KCN

Quy định về trách nhiệm của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong việc quản lý chất thải. Do CTNH có nguồn gốc phát sinh từ các hoạt động sản xuất, KD thuộc nhiều lĩnh vực khác nhau. Cụ thể:

- Trách nhiệm của Bộ Tài nguyên và Môi trường: Quy định danh mục chất thải nguy hại và cấp phép xử lý chất thải nguy hại (Luật Bảo vệ môi trường năm 2020; quy định trình tự, thủ tục cấp giấy phép xử lý chất thải (Điều 10 Nghị định

số 40/2019/NĐ-CP) và trình tự, thủ tục cấp lại, điều chỉnh giấy phép xử lý chất thải (Điều 11 Nghị định số 40/2019/NĐ-CP).

- Trách nhiệm của sở TN&MT: Quản lý hoạt động và các hồ sơ, báo cáo, hợp đồng, chứng từ của các chủ nguồn thải chất thải nguy hại trong phạm vi địa phương; cập nhật cơ sở dữ liệu về chất thải nguy hại và triển khai đăng ký chủ nguồn thải, kê khai chứng từ, báo cáo quản; tăng cường sử dụng hệ thống thông tin hoặc thư điện tử trong quá trình đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại; báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và BTN&MT về tình hình quản lý chất thải, việc đăng ký chủ nguồn thải chất thải, thời hạn của báo cáo trước ngày 31/3 của năm tiếp theo.

2.1.2. Đánh giá pháp luật hiện hành về dịch vụ xử lý chất thải ở các KCN

2.1.2.1. Ưu điểm

Nhà nước ta đã ban hành một hệ thống VBPL tương đối đầy đủ để thực hiện tốt công tác quản lý, xử lý chất thải. Trong đó, quy định rõ nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan nhà nước, trách nhiệm của các cá nhân, tổ chức tiến hành hoạt động liên quan đến quản lý chất thải và các chế tài xử lý vi phạm. Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật đã được đã được cụ thể hóa và quy định rõ ràng hơn, đáp ứng các yêu cầu về số lượng và mục đích sử dụng.

Công tác xây dựng và ban hành hệ thống VBPL đã kịp thời phục vụ cho công tác QLNN trên lĩnh vực dịch vụ xử lý CTCN, bám sát vào nhu cầu thực tế của địa phương, từng KCN. Nâng cao hiệu quả dịch vụ xử lý CTCN nhằm cải thiện chất lượng môi trường, đảm bảo sức khỏe cộng đồng và phát triển bền vững. Xây dựng hệ thống pháp luật về dịch vụ xử lý CTCN, theo đó lượng chất thải ở các KCN được phân loại tại nguồn, thu gom, tái chế, tái sử dụng và xử lý triệt để bằng công nghệ tiên tiến và phù hợp, hạn chế tối đa lượng chất thải. Nâng cao hiệu quả dịch vụ xử lý CTCN ở các KCN. Việc ban hành một hệ thống VBPL đã làm nâng cao nhận thức của cộng đồng. Thiết lập các điều kiện cần thiết về cơ sở hạ tầng, tài chính, nguồn nhân lực cho dịch vụ xử lý chất thải ở KCN.

2.1.2.2. Hạn chế

Một số quy định của pháp luật liên quan đến xử lý chất thải còn chung chung, trách nhiệm pháp lý đặt ra đối với chủ thể vi phạm còn thấp, dẫn đến tình hình vi phạm về quản lý chất thải gia tăng. Quy định về quá trình vận chuyển

chất thải vẫn còn tồn tại một số quy định mang tính chung chung và chưa có tính khả thi.

Để các quy định pháp luật về quản lý CTCN được đưa vào áp dụng triệt thì cần phải có những yếu tố như sự QLNN, ý thức trách nhiệm của các chủ thể liên quan trực tiếp đến quản lý CTCN. Hiện nay, chủ thể vi phạm pháp luật về quản lý và xử lý chất thải có thể bị xử phạt hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự. Nhà nước ta đã ban hành quy định về xử phạt vi phạm hành chính chỉ mang tính chất răn đe, cảnh cáo nhằm mục đích hướng tới xử sự đúng đắn cho các chủ thể và áp dụng đối với những vi phạm nghiêm trọng. Trách nhiệm hình sự chỉ áp dụng đối với những chủ thể khi có những hoạt động có dấu hiệu tội phạm trong việc gây ô nhiễm môi trường.

Cơ chế, chính sách, pháp luật BVMT còn nhiều hạn chế, bất cập. Bên cạnh những vướng mắc của pháp luật, việc áp dụng các văn bản về BVMT và quản lý chất thải chưa được nhiều cơ sở quan tâm; việc tổ chức thực hiện của một số cấp chính quyền cho công tác BVMT, giảm thiểu chất thải còn thiếu quyết liệt, kinh phí cho công tác BVMT còn hạn chế.

Việc thanh tra, kiểm tra và phát hiện ra hành vi vi phạm quy định của pháp luật về chất thải còn yếu kém, hoặc có phát hiện ra hành vi vi phạm nhưng việc xử phạt còn quá nhẹ so với hành vi vi phạm, xử lý vi phạm không đáp ứng yêu tố kịp thời của thực tế cần xử lý ngay dẫn đến không mang tính phòng ngừa, tính răn đe đối với các cơ sở thu gom, lưu giữ, vận chuyển và xử lý chất thải.

Công tác tuyên truyền, giáo dục còn hạn chế, chưa phát huy được hiệu quả. Cùng với đó là nhận thức của cộng đồng về công tác BVMT và xử lý chất thải còn yếu kém. Người dân chưa nhận thức được tác hại và sự ảnh hưởng của chất thải với sức khỏe, môi trường, ý thức bảo BVMT chưa cao, coi quản lý chất thải là công việc của Nhà nước, pháp luật.

2.2. Thực tiễn áp dụng pháp luật về dịch vụ xử lý chất thải ở các KCN tại tỉnh Quảng Bình.

2.2.1. Vài nét về các KCN trên địa bàn tỉnh Quảng Bình.

Hiện tại, tỉnh Quảng Bình có 06 KCN đã được phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng và đang hoạt động, bao gồm: Khu công nghiệp Cảng biển Hòn La, Khu công nghiệp Hòn La 2, Khu công nghiệp Tây Bắc Đồng Hới, Khu công

ngành Bắc Đồng Hới, Khu công nghiệp Tây Bắc Quán Hàu, Khu công nghiệp Cam Liên.

Theo UBND tỉnh Quảng Bình, công nghiệp là lĩnh vực kinh tế trụ cột của tỉnh này trong hơn 30 năm qua. Cùng với ngành kinh tế mũi nhọn là du lịch – dịch vụ, việc phát triển công nghiệp được chính quyền tỉnh này quan tâm, và có định hướng rõ rệt.

2.2.2. Tình hình phát sinh, phân loại, thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải tại các KCN trên địa bàn tỉnh Quảng Bình

2.2.2.1. Nguồn phát sinh, khối lượng, thành phần chất thải

Trên địa bàn tỉnh Quảng Bình có 06 KCN đang hoạt động. Trong đó, mới có KCN cảng biển Hòn La được đầu tư nhà máy xử lý chất thải tập trung bằng ngân sách nhà nước. Hiện tại, hầu hết các cơ sở sản xuất KD trong các KCN tại tỉnh Quảng Bình đã tiến hành phân loại sơ bộ và thu gom chất thải phát sinh từ quá trình hoạt động.

Quá trình phát sinh CTCN gắn liền với quá trình sản xuất, mỗi giai đoạn của quá trình sản xuất đều tạo ra chất thải, từ khâu khai thác, tuyển chọn nguyên liệu đến khi tạo ra sản phẩm phục vụ người tiêu dùng nên CTCN có chứa thành phần nguy hại luôn chiếm lượng khá lớn trong CTCN và cũng là nguồn ô nhiễm tiềm tàng rất đáng lo ngại cho môi trường và sức khỏe cộng đồng.

Công tác quản lý nguồn chất thải gặp nhiều khó khăn vì các cơ sở chưa thống nhất, chủ yếu thuê các DN tự xử lý CTCN, nguy cơ rò rỉ, phân tán CTCN ra môi trường cao gây ô nhiễm môi trường.

2.2.3. Tình hình thực hiện áp dụng pháp luật về dịch vụ xử lý chất thải ở các KCN tại tỉnh Quảng Bình.

UBND tỉnh Quảng Bình đã xây dựng và phê duyệt Quy hoạch quản lý chất thải tỉnh Quảng Bình đến năm 2020 tại Quyết định số 2738/QĐ-UBND ngày 01 tháng 11 năm 2013, điều chỉnh Quy hoạch quản lý chất thải rắn tại Quyết định số 3126/QĐ-UBND ngày 19 tháng 9 năm 2018. Trong đó, trách nhiệm tổ chức thực hiện được phân công cho:

- Sở Xây dựng
- Sở Tài nguyên và Môi
- Sở Kế hoạch và Đầu
- Sở Tài chính

- Sở Khoa học và Công nghệ
- Sở Công Thương xây dựng
- Sở Thông tin và Truyền thông
- Sở Giáo dục và Đào tạo
- Ban Quản lý Khu kinh

2.2.4. Những vướng mắc trong thực hiện áp dụng pháp luật về dịch vụ xử lý chất thải ở các KCN tại tỉnh Quảng Bình.

Theo Quy hoạch xử lý chất thải tỉnh Quảng Bình thì công tác QLNN về CTCN chưa được giao thống nhất cho một cơ quan, mà được phân công cho nhiều sở, ngành cùng tham gia quản lý. Tổ chức bộ máy và nguồn nhân lực QLNN về CTCN ở KCN chủ yếu do Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban Quản lý KKT tỉnh là hai đơn vị đảm nhiệm thực hiện. Như vậy, đã có sự chòng chéo giữa văn bản quản lý và thực trạng triển khai thực hiện. Do đó, phần nào hạn chế hiệu lực và hiệu quả QLNN về BVMT KCN. Mặt khác, BQL KCN tỉnh Quảng Bình thực hiện không đúng, không đầy đủ trách nhiệm quản lý, BVMT ở KCN theo quy định của pháp luật thì sẽ bị xử lý.

Về công tác thanh, kiểm tra, do lực lượng mỏng, thiếu trang thiết bị nên hiệu quả cũng chưa đạt như mong muốn. Trang thiết bị, hạ tầng kỹ thuật phục vụ cho công tác phân loại, thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải ở KCN tại tỉnh Quảng Bình hiện nay vẫn còn thiếu cơ bản, chưa được quan tâm đầu tư, chưa có đơn vị đầu tư Nhà máy xử lý CTCN trên địa bàn tỉnh.

BQL KKT tỉnh Quảng Bình chưa triển khai xây dựng và thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó và khắc phục sự cố môi trường.

Các CTCN tại các cơ sở sản xuất KD trong KCN chưa được phân loại triệt để tại nguồn; do đó các CTCN nguy hại còn có khả năng lẫn với các CTCN thông thường. Bên cạnh đó, các biện pháp giảm thiểu phát sinh chưa được áp dụng mạnh mẽ.

2.2.5. Nguyên nhân của những vướng mắc thực

- Về hình thức hợp đồng dịch vụ xử lý chất thải ở các KCN trên địa bàn Quảng Bình
- Về nội dung hợp đồng dịch vụ xử lý chất thải ở các KCN trên địa bàn tỉnh Quảng Bình.

- Về đăng ký hợp đồng dịch vụ xử lý chất thải ở các KCN trên địa bàn tỉnh Quảng Bình.

- Về trách nhiệm giám sát của chủ nguồn thải sau khi ký kết hợp đồng dịch vụ xử lý chất thải ở các KCN trên địa bàn tỉnh Quảng Bình.

- Về trách nhiệm quản lý Nhà nước đối với hợp đồng dịch vụ xử lý chất thải ở các KCN trên địa bàn tỉnh Quảng Bình.

CHƯƠNG 3

ĐỊNH HƯỚNG, GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VÀ NÂNG CAO HIỆU QUẢ THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ DỊCH VỤ XỬ LÝ CHẤT THẢI Ở CÁC KHU CÔNG NGHIỆP

3.1. Định hướng hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về dịch vụ xử lý chất thải ở các KCN

Thứ nhất, nâng cao chất lượng dịch vụ xử lý CTCN thông qua việc thực hiện đồng bộ các giải pháp sau: Học hỏi và vận dụng phương pháp quản lý dịch vụ xử lý CTCN của các nước trên thế giới phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh của tỉnh Quảng Bình. Nâng cao năng lực của đội ngũ cán bộ trong công tác thanh tra, kiểm tra và xử lý nghiêm những hành vi vi phạm quy định về dịch vụ xử lý chất thải nhằm phát hiện nhanh chóng, kịp thời, đảm bảo nguyên tắc chủ thể gây thiệt hại cho môi trường phải chịu trách nhiệm pháp lý đặt ra theo quy định của pháp luật. Cần đẩy mạnh công tác thu gom, lưu giữ, vận chuyển và xử lý chất thải theo quy định của pháp luật để BVMT. Thu gom, vận chuyển, tiếp nhận, xử lý số lượng, loại chất thải nguy hại theo đúng nội dung giấy phép môi trường được cấp. Bên cạnh đó, cơ sở xử lý tích cực áp dụng khoa học công nghệ và kỹ thuật trong việc xử lý chất thải ở các KCN.

Thứ hai, cần phải rà soát và hoàn thiện hệ thống quy chuẩn môi trường quốc gia đồng thời nghiên cứu kỹ lưỡng các đặc thù của từng khu vực kinh tế để xây dựng quy chuẩn quốc gia về chất thải, đặc biệt là chất thải rắn công nghiệp cho phù hợp.

Thứ ba, tiếp tục kiện toàn hệ thống tổ chức phục vụ công tác BVMT từ Trung ương đến địa phương theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường 2020. Tiếp tục đẩy mạnh việc rà soát, sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện, xây dựng mới các văn bản quy phạm pháp luật trong công tác quản lý dịch vụ xử lý CTCN nhằm thu hút các nguồn lực tham gia đầu tư trong lĩnh vực quản lý dịch vụ xử lý CTCN và quản lý một cách đồng bộ, hiệu quả.

Thứ tư, Nhà nước, UBND nên tạo điều kiện và có những chính sách khuyến khích đối với cơ sở sử dụng công nghệ sạch, tiên tiến BVMT như: Giảm thuế, miễn thuế, khen thưởng, vinh danh các cơ sở và quảng bá công khai trên cổng thông tin đại chúng.

Thứ năm, đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục nội dung của pháp luật về dịch vụ xử lý chất thải nhằm mục đích nâng cao nhận thức của người dân về tác hại của loại chất thải này đối với môi trường và đời sống cộng đồng, đặc biệt đối với người dân sống xung quanh vùng quy hoạch các công trình xử lý chất thải.

3.2. Giải pháp hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về dịch vụ xử lý chất thải ở các KCN.

3.2.1. Nhóm giải pháp về tổ chức thực hiện

Đào tạo, bổ sung nguồn nhân lực đủ số lượng, đảm bảo chất lượng, có tinh thần trách nhiệm cao.

+ Đào tạo nguồn nhân lực cho lĩnh vực dịch vụ thu gom, xử lý chất thải rắn, bao gồm đào tạo bổ sung, đào tạo mới, bồi dưỡng; nâng cao năng lực quản lý phát triển dịch vụ thu gom, xử lý chất thải.

+ Đẩy mạnh nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ về dịch vụ thu gom, xử lý chất thải và chuyển giao các công nghệ tiên tiến, phù hợp về tái chế và xử lý chất thải thành các sản phẩm thân thiện môi trường.

+ Thu hút tổ chức, cá nhân nước ngoài tham gia hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực; tư vấn, chia sẻ kinh nghiệm về phát triển dịch vụ thu gom, xử lý chất thải.

3.2.2. Nhóm giải pháp về tăng cường nguồn lực tài chính

a) Rà soát đề xuất các chính sách ưu đãi hỗ trợ theo hướng đẩy mạnh xã hội hóa trong quản lý dịch vụ xử lý chất thải ở các KCN.

b) Cân đối kinh phí phù hợp với nhu cầu công tác quản lý dịch vụ xử lý chất thải ở các KCN.

3.2.3. Nhóm giải pháp về nghiên cứu, phát triển, chuyển giao công nghệ

a) Nghiên cứu, phát triển, chuyển giao công nghệ xử lý CTCN hiện đại, thân thiện với môi trường, theo hướng giảm thiểu lượng CTCN chôn lấp, tăng cường tỷ lệ tái chế, tái sử dụng và thu hồi năng lượng từ chất thải.

b) Xây dựng và triển khai chính sách khắc phục ô nhiễm và cải thiện môi trường đối với các bãi chôn lấp CTCN không hợp vệ sinh hiện nay:

3.2.4. Nhóm giải pháp về hợp tác quốc tế

- Tăng cường trao đổi và hợp tác với các nước, các tổ chức quốc tế, các tổ chức phi chính phủ về đào tạo nâng cao năng lực, học tập kinh nghiệm về mô hình thu gom, vận chuyển và xử lý CTCN.

- Tăng cường hợp tác quốc tế nhằm chuyển giao và ứng dụng các công nghệ sẵn có tốt nhất, công nghệ thân thiện với môi trường.

- Tăng cường hợp tác quốc tế, thu hút các tổ chức, cá nhân và các nguồn tài trợ nước ngoài tham gia đào tạo, nghiên cứu và đầu tư phát triển công nghệ xử lý CTCN tại Việt Nam nói chung và tỉnh Quảng Bình nói riêng.

3.2.5. Nhóm giải pháp hoạt động truyền thông

- Việc tuyên truyền, giáo dục hướng tới hai đối tượng là người dân và các cơ sở sản xuất, kinh doanh trên địa bàn Quảng Bình. Vị trí, vai trò trong xử lý vi phạm trong lĩnh vực dịch vụ xử lý chất thải đối với người dân và các cơ sở sản xuất, kinh doanh của hai chủ thể này là khác nhau nên nội dung, hình thức tuyên truyền, giáo dục khác nhau. Đối với và các cơ sở sản xuất, kinh doanh, việc tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức sẽ có tác dụng theo hướng:

Khi đã có hành vi vi phạm trong lĩnh vực dịch vụ xử lý chất thải, họ sẽ tuân thủ nghiêm chỉnh các quyết định xử lý của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, khắc phục những hậu quả đã gây ra.

Hình thức tuyên truyền, giáo dục rất đa dạng như: Đưa vào chương trình học tại các cơ sở giáo dục - đào tạo, phổ biến trên Đài Truyền hình, Truyền thanh của Trung ương và địa phương, thành lập các website, tổ chức các cuộc thi tìm hiểu pháp luật xử lý vi phạm trong lĩnh vực bảo vệ môi trường, treo các băng rôn...

- Tập huấn chuyên sâu để nâng cao trình độ chuyên môn, bồi dưỡng đạo đức cho chủ thể có thẩm quyền xử lý vi phạm trong lĩnh vực dịch vụ xử lý chất thải trường đối với và các cơ sở sản xuất, kinh doanh trên địa bàn Quảng Bình.

- Tuyên truyền, hướng dẫn thực hiện các văn bản pháp quy liên quan đến quản lý chất thải tới các doanh nghiệp trong KCN.

- Đưa nội dung quản lý chất thải vào nội dung đào tạo, tập huấn quản lý doanh nghiệp (ngăn ngừa, giảm thiểu phát sinh chất thải, sử dụng các nguyên liệu thân thiện với môi trường, thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải theo đúng các quy định...).

- Xây dựng, phát triển và nhân rộng các mô hình tiên tiến về tổ chức cung cấp dịch vụ thu gom, xử lý chất thải liên kết các bên liên quan

3.3. Giải pháp nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về dịch vụ xử lý chất thải ở các KCN cho tỉnh Quảng Bình.

- Tăng cường quản lý chặt chẽ nội dung hạ tầng kỹ thuật về điểm tập kết, rà soát bổ sung, điều chỉnh quy hoạch, bố trí điểm tập kết trạm trung chuyển, cơ sở xử lý rác thải trong quá trình lập, thẩm định, phê duyệt các quy hoạch, các dự án đầu tư xử lý rác thải theo thẩm quyền.

- Kiến nghị HĐND, UBND tỉnh cân đối, bố trí các nguồn vốn ODA vốn tín dụng trong kế hoạch ngân sách hàng năm cho công tác xã hội hoá về môi trường, tạo điều kiện về thủ tục hành chính để các tổ chức, cá nhân tham gia sâu rộng vào các loại hình xã hội hóa.

- Tăng cường công tác nghiên cứu ứng dụng khoa học công nghệ cao trong tổ chức thực hiện pháp luật bảo vệ môi trường nói chung và tổ chức xử lý chất thải công nghiệp trên địa bàn tỉnh.

- Đẩy mạnh việc xây dựng các mô hình điểm về tái chế, tái sử dụng và thu hồi năng lượng từ rác thải ở các KCN nhằm lựa chọn các mô hình phù hợp để nhân rộng trên phạm vi cả nước. Thúc đẩy nhanh tiến trình xã hội hóa hoạt động thu gom và xử lý rác thải công nghiệp, để huy động nguồn lực từ tư nhân, xã

hội, đề nghị xem xét cho phép tỉnh Quảng Bình cơ chế đặc biệt: Giá dịch vụ đối với rác thải công nghiệp thu theo phạm vi, năng suất sản xuất.

- Xây dựng các quy định, hướng dẫn cụ thể nhằm đưa các nội dung mới về quản lý CTCN trong dự thảo Luật BVMT sửa đổi vào thực tiễn, cụ thể:

- Bố trí kinh phí sự nghiệp môi trường hàng năm của khu công nghiệp, nhà máy hỗ trợ cho việc thu gom, vận chuyển và xử lý CTCN, cải tạo các bãi chôn lấp đã đóng cửa, xử lý các bãi chôn lấp chất thải tự phát; xây dựng và triển khai các mô hình thu gom, vận chuyển và xử lý CTCN phù hợp với đặc thù của từng địa phương, từng doanh nghiệp.

- Đẩy mạnh công tác kiểm tra, quản lý công tác thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải. Định kỳ 6 tháng báo cáo về UBND cấp huyện kết quả thực hiện hoạt động thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải công nghiệp trên địa bàn để tổng hợp.

- Các chất thải nguy hại phải được phân loại theo mã chất thải nguy hại để lưu giữ trong các bao bì hoặc thiết bị lưu chứa phù hợp.

- Xây dựng và ban hành hướng dẫn về kiểm tra, thanh tra và xử lý vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường song song với việc đẩy mạnh công tác thanh tra, kiểm tra BVMT áp dụng các biện pháp xử lý nghiêm đối với các tổ chức, cá nhân có phát sinh lượng chất thải lớn; có biện pháp xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm các quy định về BVMT

- Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về môi trường nói chung, pháp luật về dịch vụ xử lý rác thải ở các khu công nghiệp nói riêng thông qua các phương tiện thông tin đại chúng như: Cổng thông tin điện tử tỉnh Quảng Bình, Báo Quảng Bình, các kênh thông tin, mạng xã hội chính thống,...với các hình thức và nội dung phong phú: Tuyên truyền qua các ấn phẩm, tập gấp, tờ rơi,...; lồng ghép chương trình phân loại rác thải công nghiệp tại nguồn vào các hoạt động ngoại khóa, chương trình giảng dạy của các trường học, cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh.

- Đề xuất cơ quan có thẩm quyền bổ sung quy định chế tài xử lý vi phạm hành chính đối với hành vi không phân loại rác thải công nghiệp nhằm tăng cường hiệu quả trong việc phân loại, thu gom rác thải công nghiệp trong các xí nghiệp, KCN.

- Tiến hành mở rộng hợp tác quốc tế, triển khai các dự án, kí kết hợp đồng mang tính quốc tế.

- Bên cạnh đó, cần xây dựng một kế hoạch dài hạn, lộ trình hợp lý về hội nhập kinh tế quốc tế, học hỏi kinh nghiệm dịch vụ xử lý rác thải trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ làm công tác hợp tác quốc tế về tài nguyên và môi trường.

KẾT LUẬN

Song song với phát triển kinh tế luôn đi kèm với các vấn đề môi trường được đặt ra. Với những lợi thế về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội, Quảng Bình đang là một trong những tỉnh có tỉ lệ thu hút vốn đầu tư trong nước cũng như nước ngoài rất lớn. Từ đó kinh tế của tỉnh ngày càng phát triển. Tuy nhiên, tình trạng ô nhiễm môi trường do các chất thải phát sinh từ hoạt động sản xuất, KD gây ra cũng ngày một gia tăng. Trước tình trạng xuất hiện ngày càng nhiều của các bãi rác không được cấp phép, cách thức xử lý chất thải ở các KCN trên địa bàn tỉnh chưa đúng quy định của pháp luật. Sự thiếu hụt về khoa học, công nghệ để xử lý triệt để các loại CTCN phát sinh trên địa bàn tỉnh đang là một vấn đề hết sức nhức nhối trên địa bàn tỉnh. Việc này cần được các cơ quan chức năng xem xét và giải quyết triệt để để BVMT, bảo vệ cuộc sống của người dân cũng như đảm bảo mục tiêu phát triển bền vững của tỉnh. Cần thực hiện các giải pháp đồng bộ nhằm nâng cao hiệu quả QLNN về dịch vụ xử lý chất thải tại các KCN trên địa bàn tỉnh Quảng Bình.

Pháp luật về dịch vụ xử lý chất thải là một phạm trù nghiên cứu rộng, vì vậy Luận văn chủ yếu đề cập đến các vấn đề pháp lý liên quan đến dịch vụ xử lý CTCN qua thực tiễn áp dụng tại tỉnh Quảng Bình. Qua các phân tích, đánh giá, các số liệu thực tiễn và những định hướng, giải pháp nâng cao hiệu quả thi hành các quy định của pháp luật về dịch vụ xử lý CTCN. Tôi hi vọng Luận văn có thể đóng góp phần nào vào việc nâng cao hiệu quả phân loại, thu gom và xử lý CTCN nói riêng cũng như việc thực hiện pháp luật về dịch vụ xử lý CTCN nói chung trên địa bàn tỉnh trong thời gian tới.